

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: **24/2022/DS-ST**

Ngày: 09/8/2022.

(V/v: *Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*).

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT-TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kiều Thu
2. Ông Nguyễn Bính

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 90/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 về: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2022/QĐXXST-DS ngày 28/6/2022, Quyết định Hoãn phiên tòa số 181/QĐST-DS NGÀY 20/7/2022, Thông báo dời ngày xét xử số: 228/ ngày 05/8/2022 giữa:

Nguyên đơn: bà Mang Thị A, sinh năm 1958

Địa chỉ: khu phố 15, phường B, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Phạm Thị Minh C theo Giấy ủy quyền có số chứng thực 0533, quyền số 01-SCT/CK,CD, ngày 27/12/2021.

Bị đơn: 1. Bà Mang Thị D, sinh năm 1968

2. Ông Võ Văn E, sinh năm: 1966

Địa chỉ: khu phố 7, phường B, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: tôi đại diện cho nguyên đơn bà Mang Thị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tôi có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, tính giá vàng theo giá thị trường tại thời điểm xét xử ngày 09/8/2022, các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như đơn khởi kiện và các buổi làm việc trước đây.

Bà A có cho vợ chồng bà Mang Thị D-ông Võ Văn E vay tiền gồm hai khoản: khoản thứ nhất: ngày 16/02/2005 (có giấy tờ): 50.000.000 đồng và 01 cây (lượng) vàng 24k (thường gọi là vàng Y-vàng nhẫn) tại thời điểm xét xử giá vàng 24k vàng

nhẫn giá 5.100.000 đồng/chỉ tương đương 51.000.000 đồng/lượng, qui ra tiền hai khoản (Tiền-vàng) là 101.000.000 (Một trăm lẻ một triệu) đồng, số nợ này bà A chỉ buộc bà D ông E trả nợ gốc, không yêu cầu tính lãi.

Khoản thứ hai-ngày 05/11/2020 (20/9/2020 âm lịch): 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, lãi suất 2%/tháng (không có giấy tờ). Bà D chỉ trả lãi đến ngày 31/5/2021 (tức 20/4/2021 âm lịch), khoản nợ này bà A và bà D ông E không làm giấy tờ, bà D có lên mạng xã hội nói có mượn số nợ này, bà A có yêu cầu Văn phòng Thừa phát lại Bình Thuận lập Vi bằng số 117/2022/VB-TPL vào ngày 15/3/2022. Ngoài ra tại các buổi làm việc ngày 19/5/2022, 28/6/2022 bà D ông E đã thừa nhận có nợ số tiền trên nên tôi đại diện cho bà A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D ông E phải trả cho bà A số nợ cụ thể: 50.000.000 đồng tiền mặt, 51.000.000 đồng nợ 01 lượng vàng 24k vàng nhẫn-quy ra tiền gốc mà vợ chồng bà D ông E đã vay từ năm 2005 và 500.000.000 đồng tiền gốc; lãi tính từ tháng 6/2021 đến tháng 8/2022 là 15 tháng, tiền lãi 2% là 10.000.000 đồng (Mười triệu) đồng/tháng. Khoản nợ này còn phải tính lãi đến khi bà D ông E trả xong khoản nợ cho bà A. Tổng cộng các khoản nợ gốc 601.000.000 đồng và 150.000.000 tiền lãi.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải, bị đơn bà Mang Thị D trình bày:

Chúng tôi thừa nhận có vay của bà Mang Thị A các khoản tiền sau: khoản thứ nhất: ngày 16/02/2005: 50.000.000 đồng và 01 cây (lượng) vàng y, vàng nhẫn 24k (tương đương 51.000.000) đồng. Khi vay có làm giấy tờ, hai vợ chồng tôi cùng ký, khoản nợ này tôi không đồng ý trả, vì chúng tôi đã trả rồi. Tôi nghĩ chúng tôi là chị em ruột nên khi tôi trả không làm giấy đã trả, tôi tưởng bà A đã xé giấy nợ, không ngờ bà A chưa xé giấy, đem vợ chồng tôi vô Tòa án kiện đòi số tiền này.

Khoản thứ hai: ngày 05/11/2020 (20/9/2020 âm lịch): 500.000.000 đồng. Khi vay mượn không làm giấy tờ, mặc dù khi vay không làm giấy nhưng tôi là người không ăn xuôi nói ngược, tôi đồng ý có nợ số tiền này, buổi làm việc tại Tòa án ngày 19/5/2022 và 28/6/2022 tôi cũng xác nhận như thế, khoản nợ này trước đây tôi trả lãi 15.000.000 đồng/tháng chứ không phải 10.000.000 đồng tháng như bà A trình bày, khoản lãi này trước đây đã trả chúng tôi không yêu cầu tính lại nữa. Đến nay chúng tôi chưa trả tiền nợ gốc và lãi như bà A yêu cầu vì chúng tôi đang rất khó khăn không thể trả ngay một lần cho bà A được nhưng tôi xác định khoản nợ này là có, giấy nợ này trước đây đã xé này là viết lại, không phải chữ của tôi, còn số tiền lãi 10.000.000 tháng tính từ tháng 5/2021 đến tháng 8/2022 là 150.000.000 đồng, chúng tôi xin không trả số lãi này vì tiền nợ gốc còn chưa trả được tiền đâu trả lãi và chúng tôi cũng không đồng ý nộp án phí vì chúng tôi khó khăn đang nợ nần nếu bà A có thì cho chúng tôi mượn để nộp cho nhà nước.

Ông Võ Văn E trình bày: Tôi xác định vợ chồng chúng tôi có nợ như bà Mang Thị A trình bày, tôi có ký vào giấy vay nợ, việc trả nợ như thế nào là do vợ tôi bà Mang Thị D trực tiếp trả, trả như thế nào tôi cũng không rõ, nay chị vợ tôi kiện đòi số nợ do chúng tôi chưa có ngay số tiền trên nên chưa trả ngay được.

Vụ án đã được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng.

+ Bà Mang Thị A có đơn khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn E bà Mang Thị D phải trả tổng cộng các khoản nợ gốc 601.000.000 đồng và 150.000.000 tiền lãi bao gồm:

- Tiền gốc 50.000.000 đồng.

- 01 cây (lượng) vàng 24k vàng nhẫn, quy ra giá thị trường tại thời điểm xét xử là 51.000.000 đồng.

- 500.000.000 đồng và 15 tháng tiền lãi x 10.000.000/tháng là 150.000.000 đồng. (2% tháng/24%/ năm).

Tổng cộng các khoản gốc: 50.000.000 đồng + 51.000.000 đồng + 500.000.000 đồng và 150.000.000 đồng tiền lãi.

Quá trình thu thập chứng cứ, có cơ sở để xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là: “Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của BLTTDS năm 2015.

+ Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận nên Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

Thẩm phán đã xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS 2015: nguyên đơn là bà Mang Thị A, bị đơn là vợ chồng ông Võ Văn E bà Mang Thị D.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015. Thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng theo quy định tại Điều 220 BLTTDS năm 2015; Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và VKS đúng các quy định của BLTTDS năm 2015.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết xét thấy tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện đầy đủ nên căn cứ vào các Điều 5, 70, 71, 72, 91, 93 BLTTDS 2015; Điều 463, 466, 468 BLDS 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc vợ chồng ông E, bà D trả nợ cho bà A 601.000.000 đồng tiền nợ vay và lãi suất của khoản nợ 500.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Thiết, hội đồng xét xử nhận định:

* **Về tố tụng:** Đây là vụ án Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, bị đơn hiện đang cư trú tại thành phố Phan Thiết nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35,

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Về thời hiệu khởi kiện: theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp 02 khoản vay:

Khoản thứ nhất: 50.000.000 đồng và 01 cây (lượng) vàng y-vàng nhẫn (24k), giấy mượn do nguyên đơn cung cấp thể hiện hai bên có giao dịch vay mượn tiền và xác nhận nợ vào ngày 16/02/2005, không có thời hạn trả.

Khoản thứ hai: 500.000.000 đồng, khoản vay này không có giấy tờ, không thể hiện thời gian, lãi suất.

Do các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

***Về nội dung:** Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là vợ chồng bà Mang Thị D ông Võ Văn E trả nợ tiền gốc khoản thứ nhất: 50.000.000 đồng, nợ 01 cây (lượng) vàng y-vàng nhẫn (24k) quy ra tiền tại thời điểm xét xử là 51.000.000 đồng, tổng cộng 101.000.000 đồng.

Khoản thứ hai: 500.000.000 đồng tiền nợ vay và tiền lãi là 150.000.000 đồng (từ tháng 6/2022 đến tháng 8/2022) là 15 tháng x 2%). Tổng cộng 650.000.000 đồng.

Tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Bản Dh 01 giấy mượn tiền ghi ngày 16/02/2005; Vi bằng số 117/2022/VP-TPL ngày: 15/3/2022;

Bị đơn chỉ đồng ý một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà D ông E xác định có nợ của bà A 50.000.000 đồng, nợ 01 cây (lượng) vàng y-vàng nhẫn (24k) quy ra tiền 51.000.000 đồng và 500.000.000 đồng nhưng chỉ đồng ý trả 500.000.000 đồng.

Bà D ông E xác định đã trả cho bà A 50.000.000 đồng, 01 cây (lượng) vàng y-vàng nhẫn (24k) đồng ý quy ra tiền tại thời điểm xét xử là 51.000.000 đồng nhưng không có tài liệu chứng cứ thể hiện việc đã trả.

Bà D ông E đồng ý trả 500.000.000 đồng nợ gốc, không đồng ý trả lãi của khoản nợ này mặc dù các bên đều xác định việc vay mượn có trả lãi và chưa trả lãi từ tháng 6/2021 đến tháng 8/2022 theo lãi suất bên nguyên đơn yêu cầu 24% năm là 150.000.000 đồng.

Xét các yêu cầu trên HĐXX nhận thấy:

1. Về tiền vay, xét từng yêu cầu khởi kiện:

Bà Mang Thị A khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông E bà D trả tổng cộng 601.000.000 đồng tiền nợ vay và 150.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 500.000.000 đồng, chứng cứ khởi kiện là: Bản Dh 01 giấy mượn tiền ghi ngày 16/02/2005; Vi bằng số 117/2022/VP-TPL ngày: 15/3/2022.

Xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà D, ông E đều thừa nhận các chứng cứ do bà Mang Thị A cung cấp làm chứng cứ là có thật, bà và ông E viết, ký tên và ghi rõ họ tên, giấy mượn tiền giao cho bà A giữ. Nội dung giấy mượn tiền thể hiện bà D, ông E có mượn tiền của bà A, số tiền là 50.000.000 đồng, nợ 01 cây (lượng) vàng y-vàng nhẫn và cam kết “*nếu tôi không trả tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật cả chồng lẫn vợ ký tên*”.

Theo Nghị định số 24/2012/NĐCP, ngày 03/4/2012 của D h phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán, do đó các bên thừa nhận việc có vay 01 cây (lượng) vàng y-vàng nhẫn, được quy đổi ra tiền Việt Nam theo giá bán tại các tiệm vàng ở địa phương tại thời điểm xét xử là phù hợp.

Tại thời điểm viết giấy mượn tiền bà D ông E có đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự nên biết được hậu quả các nội dung mà mình đã ghi. Bà D ông E có nghĩa vụ chứng minh việc mình đã trả nợ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông bà vẫn không cung cấp được chứng cứ ông bà đã trả số nợ này cho bà A, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông bà không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho việc đã trả tiền của mình, được quy định tại khoản 01 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định nghĩa vụ chứng minh: “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp ...*”, khoản 02 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*” và khoản 04 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*” như vậy đủ cơ sở xác định, bà D ông E còn nợ bà A số nợ trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về khoản nợ 500.000.000 đồng hai bên không cung cấp được giấy vay tiền, xác định số nợ lãi nhưng bà A cung cấp Vi bằng số 117/2022/VP-TPL ngày: 15/3/2022 thể hiện bà Mang Thị D có nợ bà Mang Thị A 500.000.000 đồng chưa trả, ngoài ra tại bản tự khai và tại các buổi hòa giải ngày 19/5/2022 và 28/6/2022 vợ chồng bà D ông E đều thừa nhận có nợ số tiền trên chưa trả và xác nhận từ tháng 6/2021 đến nay chưa trả tiền lãi của khoản nợ này cho bà A nên đủ cơ sở xác định bà D ông E còn nợ bà A số nợ trên là phù hợp.

2. Về lãi suất:

Khoản nợ thứ nhất: Nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xét.

Khoản nợ thứ hai: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự thừa nhận khoản nợ vay là có lãi suất, phía bà D ông E thừa nhận chưa trả tiền lãi cho bà A từ tháng 6/2021 cho đến nay.

Tuy nhiên, bà A yêu cầu tính lãi từ tháng 6/2021 đến tháng 8/2022 với lãi suất là 2%/tháng, yêu cầu tính lãi này vượt quá quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự quy định về Lãi suất.

+ Trường hợp các bên thỏa thuận thì mức lãi suất không vượt quá 20%/năm.

+ Trường hợp các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm.

Phần lãi suất được tính như sau: 500.000.000 đồng x 0.83333%/tháng x 15 tháng (Mỗi tháng: 4.166.650 đồng) (từ tháng 6/2021 đến tháng 8/2022) = 62.499.750 đồng.

Từ những nhận định trên, buộc vợ chồng ông Võ Văn E bà Mang Thị D cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà Mang Thị A tổng cộng các khoản nợ 50.0000 đồng tiền vay, 51.000.000 đồng (nợ vàng quy ra tiền), 500.000.0000 đồng và 62.499.750 đồng tiền lãi.

Tổng cộng: 601.000.000 đồng + 62.499.750 đồng = 663.499.750 đồng (Sáu trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm D mươi D ngàn bảy trăm năm mươi đồng) như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Thiết là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Võ Văn E bà Mang Thị D phải trả nợ cho bà Mang Thị A tổng cộng: 663.499.750 đồng (Sáu trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm D mươi D ngàn bảy trăm năm mươi đồng). Trong đó tiền gốc 601.000.000 đồng (50.000.000 đồng + 51.000.000 đồng + 500.000.000 đồng) tiền vay và 62.499.750 đồng tiền lãi của khoản nợ vay 500.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Võ Văn E bà Mang Thị D phải nộp 30.539.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Mang Thị A là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn xin miễn nên được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, có mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án tuyên án (09/8/2022).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Phan Thiết;
- Tòa án tỉnh Bình Thuận;
- Thi hành án dân sự Phan Thiết;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Ngọc